TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-PT
Ngày 9-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung

Các Thẩm phán: Ông K' Tiêng và bà Bùi Thị Ngọc.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trừ Minh Quốc là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:* Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-DS ngày 23-3-2020 về việc: ***"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2020/QĐ-PT, ngày 11-5-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Quang T (văn bản ủy quyền ngày 22-10-2019) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 21 đường 3/2, tổ 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hồng D – Vắng mặt.

Bà Đỗ Thị N – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị D (văn bản ủy quyền ngày 24-3-2020) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 246, đường N, tổ 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14-10-2019 của bà Nguyễn Thị Y và của người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24-9-2018, bà Nguyễn Thị Y cho ông Lê Hồng D và bà Đỗ Thị N vay số tiền 600.000.000 đồng, hẹn 05 ngày sau trả, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng không viết vào giấy vay tiền. Khi đến hạn thanh toán, ông D và bà N chỉ trả cho bà Y số tiền 120.000.000 đồng , số tiền còn lại bà Y đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông D và bà N vẫn không trả cho bà Y. Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu ông D và bà N phải trả cho bà Y số tiền còn lại là 480.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày khởi kiện với mức lãi suất 1,5%/tháng là 93.600.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 573.600.000 đồng.

- Bị đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Bà N chỉ thừa nhận trước đó có vay tiền của bà Y nhiều lần, đến này 24-9-2018 chốt nợ giữa hai bên thì bà N còn nợ bà Y số tiền 430.000.000 đồng, bà Y chỉ ghi trong sổ chứ không viết giấy nợ. Sau khi chốt nợ, thì giữa bà Y, bà N với bà Trần Thị N1 và ông Lê Thanh C có thỏa thuận chuyển nợ cho nhau. Theo đó, bà N1 và ông C còn nợ bà N số tiền 300.000.000 đồng nên đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ bà N1 và ông C sang cho bà Y, bà N1 và ông C có trách nhiệm trả cho bà Y số nợ 300.000.000 đồng. Ngoài ra, do bà Đinh Thị T2 còn nợ bà N số tiền 54.000.000 đồng nên giữa bà N với bà Y thỏa thuận bà T2 có trách nhiệm trả cho bà Y 54.000.000 đồng, khấu trừ vào khoản nợ bà N nợ bà Y. Việc cấn trừ nợ đều không lập thành văn bản, sau khi khấu trừ nợ xong thì bà N chỉ còn nợ bà Y số tiền 76.000.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý trả cho bà Y số tiền 76.000.000 đồng. Đối với số tiền vay của bà Y không liên quan gì đến ông Lê Hồng D.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Y đã cung cấp cho Tòa án, bà N thừa nhận có vay số tiền này; mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Sau khi đáo hạn xong đã trả đầy đủ cho bà Y nên không còn nợ số tiền này

- Bị đơn ông Lê Hồng D trình bày:

Ông D thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 24-9-2018 là của ông; mục đích vay tiền của bà Y để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi đáo hạn ngân hàng xong thì đã trả 600.000.000 đồng cho bà Y. Đối với việc bà Y khởi kiện ông D và bà N số tiền 480.000.000 đồng ông không biết, vì không liên quan gì đến ông D nên không đồng ý trả tiền cho bà Y.

- Người làm chứng bà Trần Thị N1 và ông Lê Thanh C trình bày:

Năm 2017, bà N1 và ông C có vay bà N 300.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền với nhau. Đến năm 2018, bà N1 và ông C vay bà Y 330.000.000 đồng. Đến ngày 15-10-2018, bà Y có gọi điện cho ông bà bảo ra nhà bà Y để chuyển khoản nợ 300.000.000 đồng từ bà N sang nợ bà Y. Giữa các bên không viết giấy chuyển nợ với nhau, nhưng giữa bà N1 và ông C với bà Y có viết giấy riêng nhận số nợ này. Sau khi chuyển nợ, ông C và bà N1 chưa trả được cho bà Y số tiền gốc nào, chỉ trả cho bà Y được 04 tháng tiền lãi, với lãi suất 2%/ tháng. Hiện nay, do bà Y không đồng ý chuyển nợ cho bà N nữa nên ông bà đồng ý và sẽ không thanh toán cho bà Y 300.000.000

đồng. Ông C và bà N1 thừa nhận còn nợ bà N số tiền 300.000.000 đồng. Đối với tiền lãi đã trả thì giữa bà N1 và ông C với bà Y sẽ thỏa thuận trừ vào số tiền 330.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D phải trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 598.320.000 đồng, trong đó 480.000.000 đồng tiền gốc và 118.320.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 13-02-2020.

Bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-02-2020 bà Đỗ Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm không chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị Y 598.320.000 đồng, chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ 76.000.000 đồng; đề nghị nhập vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vụ án thụ lý số 270/2019/TLST-DS ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song và đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-ADBPKCTT ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Ngày 08/7/2020, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Bùi Thị D có đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm về phần lãi suất và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa khấu trừ số tiền lãi bà Y đã nhận của bà Trần Thị N1 và ông Lê Thanh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo hướng buộc ông D, bà N phải trả cho bà Y số tiền 545.736.000 đồng, trong đó tiền gốc là 480.000.000 đồng và tiền lãi là 65.736.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị N làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[1.2]. Về nội dung thay đổi yêu cầu kháng cáo: Ngày 27-02-2020 bà Đỗ Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Ngày 08/7/2020, đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị N là bà Bùi Thị D có đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm về phần lãi suất và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa khấu trừ số tiền lãi bà Y đã nhận của bà Trần Thị N1 và ông Lê Thanh C thông quá quá trình cấn trừ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do đó căn cứ vào Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận đối với yêu cầu thay đổi kháng cáo này.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy: Việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Y và bà Đỗ Thị N, ông Lê Hồng D là có thật. Điều này được thể hiện qua giấy vay tiền lập ngày 24/9/2018 có chữ ký, chữ viết của bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D. Quá trình vay, bà N, ông D đã trả cho bà Nguyễn Thị Y 120.000.000đ, còn lại 480.000.000đ đã quá hạn trả nợ nhưng bà N, ông D không trả cho bà Y, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc vay tiền giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà N và ông D phải có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền gốc còn nợ 480.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, về mức lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đối với số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán theo mức lãi suất 1,5%/tháng, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì số tiền lãi trên không vượt quá quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Việc nhận định và quyết định như vậy là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ: Tại thời điểm vay số tiền 600.000.000 đồng theo bà Y hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, nhưng không viết vào giấy vay tiền, phía bà N và ông D cho rằng không vay số tiền trên nên không đồng ý trả 480.000.000 đồng tiền gốc cũng như số tiền lãi theo đơn khởi kiện của bà Y, tại cấp phúc thẩm phía bị đơn cũng đề nghị xem xét lại phần lãi suất. Do đó, ở đây các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần phải áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định:

"Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015

Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Như vậy, đối với số tiền 480.000.000 đồng tính từ ngày 30-9-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-02-2020) là 16 tháng 15 ngày với số tiền lãi là: 480.000.000 đồng x 10%/năm x (0,83%/tháng) x 16 tháng 15 ngày = 65.736.000 đồng. Do đó, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 545.736.000 đồng.

[3]. Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa khấu trừ phần lãi suất và mà bà Y đã nhận của bà Trần Thị N1 và ông Lê Thanh C, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị N thừa nhận có vay của bà Y số tiền 430.000.000đ nhưng đã chuyển nợ cho bà T2, ông C và bà N1. Hiện bà N chỉ còn nợ bà Y 76.000.000đ.Tuy nhiên, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc chuyển nợ giữa bà N, bà Y, ông C, bà N1. Quá trình làm việc tại tòa án, bà Trần Thị N1, ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Thị Y cũng không đồng ý về việc chuyển nợ giữa các bên. Vì vậy, việc chuyển nợ giữa các bên không thực hiện được nên không có căn cứ để chấp nhận. Hơn nữa, quá trình giải quyết ông C, bà N1 cho rằng đối với tiền lãi đã trả thì giữa bà N1, ông C và bà Y sẽ thỏa thuận trừ vào số tiền bà N1 và ông C vay riêng của bà Y (330.000.000đ). Do đó, nếu bà N có căn cứ cho rằng số tiền lãi bà N1, ông C đã trả được cho bà Y là số tiền mà bà N1, ông C đã nhận cấn trừ nợ từ bà N thì bà có quyền khởi kiện yêu cầu bà N1, ông C trả lại số tiền này bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Do đó, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị N. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST

ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị N. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D phải trả cho bà Nguyễn Thị Y tổng cộng 545.736.000 đồng *(Năm trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng)*, trong đó 480.000.000 *đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng)* tiền gốc và 65.736.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đỗ Thị N và ông Lê Hồng D phải nộp 25.829.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng)*.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Y số tiền 16.944.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002336 ngày 14-10-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đỗ Thị N 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000379 ngày 06-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung